

**Bản tin**

# THỊ TRƯỜNG SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP

**BAN CHỈ ĐẠO BỘ CÔNG THƯƠNG**

**CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**



**Đơn vị thực hiện:**

❖ Cục Công Thương địa phương

❖ Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại

Số 05 năm 2019

Kỳ 01 tháng 03 năm 2019

## MỤC LỤC

<b>THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA</b>	<b>3-7</b>
Thị trường nông, lâm, thủy sản trong kỳ từ ngày 1/3/2019 đến 15/03/2019	
Thị trường nông sản trong nước đứng trước nhiều khó khăn	
<b>THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU</b>	<b>8-17</b>
Xuất khẩu các mặt hàng nông sản chủ lực giảm mạnh trong 2 tháng đầu năm 2019	
Việt Nam có nhiều tiềm năng đẩy mạnh xuất khẩu thủy sản sang Canada	
Các sản phẩm hữu cơ có nhiều tiềm năng xuất khẩu vào thị trường Đức	
<b>XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI</b>	<b>18-21</b>
Tây Ninh xây dựng thương hiệu nông sản và phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	
Vĩnh Long: Hợp tác trồng xoài xuất khẩu sang Mỹ	
Khai mạc Lễ hội Cà phê Buôn Ma Thuột	
<b>CHÍNH SÁCH - ĐẦU TƯ</b>	<b>21-24</b>
Ban hành hạn ngạch thuế quan nhập khẩu muối, trứng gia cầm năm 2019	
Bộ Công Thương ban hành Kế hoạch thực hiện Hiệp định CPTPP	
<b>THỊ TRƯỜNG NÔNG SẢN THẾ GIỚI</b>	<b>25-27</b>
Nhu cầu hàng nông, lâm, thủy sản của Nga tăng trưởng liên tục giai đoạn 2016-2018	
<b>TIN VẤN</b>	<b>28</b>

Mọi phản hồi xin liên hệ:

Trung Tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại

Địa chỉ: Tầng 6 - 655 Phạm Văn Đồng, Bắc Từ Liêm – Hà Nội

Tel: (024) 37152585

Fax: (024) 37152574

Giấy phép xuất bản số 55/GP- XBBT

Thị trường sản phẩm nông nghiệp trong nước và xuất khẩu những tháng đầu năm 2019 đứng trước nhiều thách thức trong bối cảnh dịch tả lợn châu Phi đang bùng phát tại nhiều tỉnh, thành phía Bắc; hoạt động sản xuất chủ yếu vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu về sản xuất hàng hóa tiêu chuẩn cao từ thị trường thế giới và giá tiêu thụ trong nước cũng như xuất khẩu của nhiều mặt hàng giảm mạnh do sức ép từ nguồn cung gia tăng trong khi nhu cầu tiêu thụ yếu và Trung Quốc siết chặt quản lý nhập khẩu.

Việc Trung Quốc thực hiện chặt quy định giám sát tất cả doanh nghiệp xuất khẩu gạo vào thị trường này cộng với việc kê từ ngày 1/1/2019, rau quả xuất khẩu sang Trung Quốc bắt buộc phải có truy xuất nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật của phía Việt Nam là những nguyên nhân chính khiến xuất khẩu gạo và rau quả sang Trung Quốc giảm mạnh trong 2 tháng đầu năm 2019. Xuất khẩu chậm đã kéo giá lúa

trong nước giảm xuống chỉ còn khoảng 5.250 đồng/kg với lúa khô tại Đồng bằng sông Cửu Long, thấp hơn mức trung bình 6.070 đồng/kg của năm 2018.

Trong thời gian tới, xuất khẩu nhóm nông sản nhiều khả năng tiếp tục gặp khó khăn do ảnh hưởng bởi tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2019 dự báo giảm; nhiều nước có xu hướng quay lại tập trung đầu tư cho phát triển nông nghiệp; các thị trường nhập khẩu nông sản lớn của Việt Nam như Mỹ, EU, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc... đều gia tăng bảo hộ hàng nông sản thông qua các tiêu chuẩn về quản lý chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm; xung đột thương mại Mỹ-Trung Quốc vẫn tiếp diễn và đặc biệt là việc Chính phủ Việt Nam và Trung Quốc đã thống nhất quản lý xuất nhập khẩu theo hướng chuyên dần sang chính ngạch, giảm dần xuất khẩu tiểu ngạch, đòi hỏi doanh nghiệp Việt Nam phải đáp ứng nhiều tiêu chuẩn kỹ thuật nếu muốn xuất khẩu vào thị trường này.

### Một số thông tin đáng chú ý:

- ➔ Bộ Công Thương vừa ban hành quyết định liên quan đến Kế hoạch thực hiện Hiệp định Đối tác Toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) với lộ trình triển khai gồm 2 giai đoạn, giai đoạn 1 năm 2019 và giai đoạn 2 từ năm 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2035.
- ➔ Từ ngày 1/2 đến hết ngày 13/3/2019, dịch tả lợn châu Phi đã xảy ra tại 15 tỉnh, thành phố gồm: Nam Định, Quảng Ninh, Ninh Bình, Hưng Yên, Thái Bình, Hải Phòng, Thanh Hóa, Hà Nam, Hải Dương, Hà Nội, Hòa Bình, Thái Nguyên, Điện Biên, Sơn La và Bắc Kạn. Tổng số lợn bị mắc bệnh và tiêu hủy là hơn 17.000 con. Hiện bệnh dịch tả lợn châu Phi chủ yếu xuất hiện tại các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ, điều kiện vệ sinh và an toàn sinh học không tốt; chưa xuất hiện dịch tả lợn châu Phi tại các trang trại chăn nuôi tập trung quy mô lớn.
- ➔ Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, trong 2 tháng đầu năm 2019, kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng nông, lâm, thủy sản đạt 4,92 tỷ USD, giảm 3,3% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 13,6% tỷ trọng trên tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa, thu hẹp đáng kể so với tỷ trọng chiếm 14,7% của cùng kỳ năm 2018. Trong nhóm nông sản chủ lực, xuất khẩu gạo giảm mạnh nhất với mức giảm 14% về lượng và 23,4% về kim ngạch.

**Thị trường nông, lâm, thủy sản trong kỳ từ ngày 1/3/2019 đến 15/3/2019**

Trong 15 ngày đầu tháng 3/2019, thị trường nông, lâm, thủy sản có một số biến động sau:

+ Giá gạo tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) đã tăng nhẹ trở lại sau khi Chính phủ quyết định mua tạm trữ 200 nghìn tấn gạo và 80 nghìn tấn thóc. Theo đó, giá lúa tươi IR 504 tăng 5,4% so với hai tuần cuối tháng 2/2019, dao động ở mức 4.850 đ/kg; Gạo nguyên liệu IR 504 cũng tăng 3,1%, đạt 6.650 đ/kg; Gạo thành phẩm IR 504 tăng 2,7%; Gạo nguyên liệu OM 5451 tăng 0,7%.

+ Trong 15 ngày đầu tháng 3/2019, giá cà phê nhân xô tại các tỉnh Tây Nguyên giảm nhẹ 200 đ/kg so với hai tuần cuối tháng 2/2019, đạt 33.300 đ/kg. Năm nay các tỉnh trong khu vực Tây Nguyên sẽ chịu ảnh hưởng bởi hiện tượng El nino và điều này có thể ảnh hưởng tiêu cực tới sản lượng cà phê của Việt Nam trong niên vụ tới.

sự lạc quan về kết quả thỏa thuận thương mại giữa Trung Quốc và Mỹ. Mới đây, Hội đồng Cao su Ba bên Quốc tế (ITRC), bao gồm Thái Lan, Indonesia và Malaysia đã đồng thuận cắt giảm 240.000 tấn trong nguồn cung cao su tự nhiên xuất khẩu trong vòng 4 tháng, bắt đầu từ tháng 4 tới. Đây là lần thứ 6 ITRC áp dụng chính sách hạn chế xuất khẩu cao su. Ngoài việc hạn chế xuất khẩu, ITRC cũng đồng ý cố gắng thúc đẩy tiêu thụ nội địa một lượng đáng kể cao su tại cả ba quốc gia.

+ Giá hạt điều khô tại Bình Phước trong 15 ngày đầu tháng 3/2019 tăng nhẹ 1.000 đ/kg so với hai tuần cuối tháng 2/2019, lên 39.000 đ/kg. Theo dự báo giá hạt điều sẽ ổn định trong ngắn hạn do vẫn đang là thời điểm thu hoạch của nhiều nước sản xuất hạt điều lớn như Braxin, Indonesia, Nigieria... Bước sang quý 2/2019, giá hạt điều có thể sẽ phục hồi trở lại nhờ nhu cầu hạt điều



+ Trong 15 ngày đầu tháng 3/2019, giá cao su SVR CV tăng 5,3% so với hai tuần cuối tháng 2/2019, đạt 49.413 đ/kg trong khi giá cao su SVR 10 và SVR 20 ổn định ở mức 32.706 – 32.819 đ/kg. Thị trường cao su được hỗ trợ bởi các nước xuất khẩu cao su hàng đầu thế giới cắt giảm sản lượng và

của Trung Quốc và một số nước nhập khẩu khác tăng. Theo dự báo của Ủy ban Quả và Hạt khô quốc tế, nhu cầu hạt điều năm nay sẽ tăng mạnh từ tháng 4/2019 và ổn định cho tới cuối năm. Giá điều năm 2019 cũng được kỳ vọng sẽ cao hơn năm 2018 và năm 2017.

+ Tại các tỉnh Tây Nguyên, giá hạt tiêu đen đã tăng 1.500 đ/kg trong 15 ngày đầu tháng 3/2019, đạt 44.500 đ/kg. Tuy vậy, giá hạt tiêu được dự báo có thể giảm trở lại trong thời gian tới do nguồn cung hạt tiêu toàn cầu đang tiếp tục được bổ sung khi mà Việt Nam và Ấn Độ, 2 quốc gia sản xuất hạt tiêu lớn nhất thế giới, đang trong mùa thu hoạch mới.

+ Tại thị trường trong nước, giá chè nguyên liệu không có nhiều biến động do khá ổn định từ trước Tết Nguyên đán. Tại Thái Nguyên, giá chè cành chất lượng cao giữ mức 200.000 đ/kg, chè xanh búp khô là

105.000 đ/kg, chè xanh búp khô (đã sơ chế loại 1) giữ mức 140.000 đ/kg. Tại Bảo Lộc (Lâm Đồng), giá chè cành trở lại mức 8.500 đ/kg, giá chè hạt 7.500 đ/kg sau khi tăng lần lượt 500 đ/kg và 300 đ/kg vào tuần sát Tết.

+ Giá cá tra thịt trắng loại 1 tại Đồng Tháp giảm 1.000 đ/kg trong nửa đầu tháng 3/2019, đạt 32.000 đ/kg. Nguồn cung cá nguyên liệu gia tăng trong khi đơn đặt hàng ở mức thấp khiến giá cá nguyên liệu sụt giảm. Tương tự, giá tôm càng xanh cũng giảm 20.000 đ/kg so với cuối tháng 2/2019, xuống còn 240.000 đ/kg đối với loại 100 con/kg.

## Tham khảo giá nông, lâm, thủy sản tại thị trường trong nước ngày 15/03/2019

Tên hàng	Ngày 15/03/2019 (đ/kg)	So với ngày 26/2/2018 (%)	So với ngày 26/12/2018 (%)	So với ngày 15/3/2018 (%)
Lúa tươi IR 504	4.850	5,4	-4,9	-10,2
Gạo nguyên liệu IR 504	6.650	3,1	-8,3	-14,2
Gạo thành phẩm IR 504	7.550	2,7	-7,4	-15,2
Gạo nguyên liệu OM 5451	7.050	0,7	-6,6	-25,0
Tấm gạo IR 504	6.700	1,5	-15,2	-13,0
Cám gạo	4.850	-2,0	-11,8	-10,2
Cà phê nhân xô tại Tây Nguyên	33.300	-0,6	-0,3	-10,5
Chè xanh Thái Nguyên búp khô	105.000	0,0	0,0	0,0
Chè cành Thái Nguyên chất lượng cao	200.000	0,0	0,0	0,0
Chè xanh nguyên liệu loại 1 tại Lâm Đồng	9.000	0,0	0,0	0,0
Chè đen nguyên liệu loại 1 tại Lâm Đồng	6.000	0,0	0,0	0,0
Giá nhân điều khô tại Bình Phước	39.000	2,6	8,3	-13,3
Tiêu đen Tây Nguyên và Nam Bộ	44.500	3,5	-16,0	-27,0
SVR CV	49.413	5,3	36,9	19,2
SVR 10	32.819	-0,1	15,8	1,4
SVR 20	32.706	-0,1	15,9	1,4
Cá tra thịt trắng loại 1 tại Đồng Tháp	32.000	-3,0	0,0	0,0
Tôm càng xanh (100 con/kg) Đồng Tháp	240.000	-7,7	-7,7	-20,0

(Nguồn: Trung tâm Thông tin Công nghiệp và Thương mại tổng hợp)

---

## Thị trường sản phẩm nông nghiệp trong nước đứng trước nhiều khó khăn

Trong những tháng đầu năm 2019, ngành nông nghiệp trong nước đối mặt với hàng loạt khó khăn trong bối cảnh nhiều mặt hàng mũi nhọn như gạo, hồ tiêu, cá tra, thịt lợn ... liên tục giảm giá do ảnh hưởng bởi cả yếu tố khách quan lẫn nội tại.

### **Đối với hồ tiêu:**

Do diện tích hồ tiêu phát triển quá nóng, cộng với xu hướng cung vượt cầu trên thị trường thế giới dẫn đến giá tiêu thụ nội địa và xuất khẩu liên tục sụt giảm mạnh xuống những mức thấp nhất trong khoảng 10 năm trở lại đây, trong khi giá thuê nhân công thu hoạch tiêu và phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, xăng dầu... vẫn ở mức cao. Theo quy hoạch của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, mục tiêu đến năm 2020 tầm nhìn 2030 diện tích trồng hồ tiêu cả nước chỉ ở mức 50.000ha, diện tích cho sản phẩm là 47.000ha, nhưng đến tháng 12/2018, diện tích sản xuất trồng hồ tiêu của Việt Nam đã lên tới 152.000ha, gấp gần 3 lần so với quy hoạch đến năm 2020.

Tính đến giữa tháng 3/2019, giá hồ tiêu khu vực Tây Nguyên và miền Nam đã giảm xuống, dao động từ 44.500 – 46.000 đồng/kg, thấp hơn rất nhiều so với mức “đỉnh” 230.000 đồng/kg đã đạt được trong năm 2015 và cũng thấp hơn so với mức ước tính 50.000 đồng/kg đối với giá thành sản xuất. Trong thời gian tới, giá hồ tiêu có thể giảm xuống sát ngưỡng 40.000 đồng/kg do nhiều địa phương trên cả nước hiện đang bước vào chính vụ thu hoạch hồ tiêu niên vụ 2018-2019. Với diễn biến này, có thể nói đây chính là giai đoạn khó khăn nhất của ngành hồ tiêu Việt Nam.

Hiện Việt Nam xuất khẩu tới 95% sản lượng hồ tiêu. Do đó, để xuất khẩu hồ tiêu bền vững thì vấn đề chất lượng phải được đặt lên hàng đầu. Để làm được điều này, doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu hồ tiêu Việt Nam cần liên kết, kết nối với các đối tác khách hàng quốc tế, hiệp hội gia vị thế giới để mở rộng thị trường tiêu thụ, gia tăng chất lượng cho sản phẩm hồ tiêu.

Tổ chức Hồ tiêu quốc tế (IPC) dự báo, ước tính sản lượng hồ tiêu thế giới năm 2019 đạt hơn 494.200 tấn, giảm 5,6% so với năm 2018 (523.400 tấn). Tuy nhiên, giá hồ tiêu toàn cầu sẽ không tăng mạnh do Braxin đang bước vào vụ thu hoạch mới. Ấn Độ, Malaysia là những quốc gia sản xuất hồ tiêu hàng đầu thế giới cũng dự báo giảm tăng trưởng đến 60% trong năm 2019. Ngoài ra, ngành hồ tiêu của Malaysia cũng đang đối mặt với sự suy giảm hơn nữa do sản lượng hồ tiêu thế giới tăng.

### **Đối với thịt lợn:**

Kể từ đầu tháng 2/2019 đến nay, dịch tả lợn châu Phi lan rộng tại nhiều địa phương miền Bắc đã và đang gây thiệt hại cho toàn ngành chăn nuôi. Theo số liệu thống kê, từ ngày 1/2 đến hết ngày 13/3/2019, dịch tả lợn châu Phi đã xảy ra tại 15 tỉnh, thành phố gồm: Nam Định, Quảng Ninh, Ninh Bình, Hưng Yên, Thái Bình, Hải Phòng, Thanh Hóa, Hà Nam, Hải Dương, Hà Nội, Hòa Bình, Thái Nguyên, Điện Biên, Sơn La và Bắc Kạn. Tổng số lợn bị mắc bệnh và tiêu hủy là hơn 17.000 con. Trong đó, bệnh dịch tả lợn châu Phi chủ yếu xuất hiện tại các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ, điều kiện vệ sinh và an toàn sinh học không tốt; chưa xuất hiện dịch tả lợn châu Phi tại các trang trại chăn nuôi tập trung quy mô lớn.

Chỉ trong một thời gian rất ngắn, khi dịch tả lợn châu Phi chính thức được xác nhận tại Việt Nam, liên tiếp có thêm các tỉnh, thành phố báo cáo bùng phát bệnh dịch. Đến nay, các địa phương đã nỗ lực không chế, nhưng sự lây lan cùng mức độ nguy hiểm của dịch bệnh đã ảnh hưởng mạnh tới người chăn nuôi. Trước diễn biến này, giá lợn hơi tại các địa phương nhanh chóng giảm mạnh. Trong đó, tại Hà Nội giảm còn 40.000 đ/kg; Hà Nam và Nam Định còn 41.000 đ/kg; Bắc Giang, Phú Thọ, Tuyên Quang, Vĩnh Phúc, Thái Bình dao động trong khoảng 40.000 - 41.000 đ/kg; có nơi xuống còn 39.000 đ/kg. Tại Hưng Yên, Thái Nguyên, Hải Dương, Yên Bái...

giá lợn hơi giao dịch ở mức 41.000 - 42.000 đ/kg, tại Lào Cai đạt 43.000 - 44.000 đ/kg, giảm từ 6.000 – 8.000 đ/kg so với thời điểm đầu tháng 2/2019.

Trước những diễn biến phức tạp của dịch tả lợn châu Phi, các địa phương trong cả nước đã và đang áp dụng nhiều giải pháp đồng bộ phòng chống loại dịch bệnh này. Tại Nghị quyết phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 2/2019, Chính phủ cũng đã yêu cầu Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành và UBND các tỉnh, thành phố tập trung chỉ đạo quyết liệt và triển khai đồng bộ các giải pháp phòng, chống bệnh dịch tả lợn châu Phi. Về một số giải pháp cấp bách không chế bệnh dịch tả lợn châu Phi, Chính phủ thông nhất cho phép UBND cấp tỉnh sử dụng dự phòng ngân sách của địa phương và nguồn kinh phí hợp pháp khác hỗ trợ cho chủ vật nuôi có lợn mắc bệnh, lợn nghi mắc bệnh lở mồm long móng, tai xanh, dịch tả lợn châu Phi buộc phải tiêu hủy để phòng, chống dịch bệnh động vật lây lan, kể cả khi xuất hiện dịch bệnh nhưng chưa được công bố dịch theo quy định của pháp luật.

Trong khi đó, theo thông tin từ Tổ chức Thú y Thế giới, tính từ năm 2017 đến ngày 26/2/2019, đã có trên 20 quốc gia báo cáo có bệnh dịch tả lợn châu Phi. Tổng cộng đã có hơn 1 triệu con lợn buộc phải tiêu hủy. Tại Trung Quốc, theo thông tin từ OIE và Tổ chức Nông lương Liên Hợp Quốc (FAO), từ ngày 3/8/2018 đến ngày 3/3/2019, Trung Quốc thông báo tổng cộng có 110 ổ dịch xuất hiện tại 28 tỉnh. Trong bối cảnh dịch tả lợn châu Phi vẫn đang lan rộng trong khi lượng thịt nhập khẩu có xu hướng gia tăng khi Việt Nam tham gia Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), dự báo giá thịt lợn hơi trong nước năm nay sẽ tiếp tục có những diễn biến phức tạp.

### ***Đối với mặt hàng gạo:***

Trong những tháng đầu năm 2019, giá lúa gạo tại thị trường trong nước liên tục giảm do từ tháng 7/2018, Trung Quốc đã tăng thuế nhập khẩu và giảm thu mua gạo qua đường tiêu ngạch, chuyển sang thu

mua chính ngạch làm cho các hợp đồng với Trung Quốc bị chậm lại, một số doanh nghiệp bị tồn kho. Mặt khác, Tổng Công ty Lương thực miền Bắc và Tổng Công ty Lương thực miền Nam chưa có các hợp đồng xuất khẩu lớn nên chưa tập trung thu mua lúa, trong khi nông dân thu hoạch rộ dẫn đến cung vượt cầu, giá giảm. Các thị trường nhập khẩu gạo chính như Indonesia, Philippin, Malaysia, Trung Quốc chậm mua để chờ giá. Giá lúa trong nước đã giảm xuống chỉ còn khoảng 5.250 đ/kg với lúa khô tại ĐBSCL, thấp hơn mức trung bình của năm 2017 và 2018.

Ngay sau khi Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo về việc mua tạm trữ gạo, cùng với thông tin Trung Quốc có nhu cầu nhập khẩu 100 nghìn tấn gạo, giá lúa gạo tại ĐBSCL đã có những diễn biến tích cực hơn. Bên cạnh đó, Ngân hàng Nhà nước cũng đã chỉ đạo các ngân hàng phải làm việc trực tiếp, nắm bắt các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp để phối hợp, có giải pháp tháo gỡ cụ thể như: xem xét tăng hạn mức vay vốn, đẩy nhanh tiến độ giải ngân, tạo điều kiện để thu mua kịp thời lúa gạo tại khu vực ĐBSCL trong thời gian tới. Trước diễn biến của thị trường xuất khẩu lúa gạo, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tiếp tục đề xuất giảm diện tích trồng lúa không hiệu quả, đặc biệt là ở những khu vực nhiễm mặn, vùng thiếu nước sản xuất đồng thời tiếp tục phối hợp với Bộ Công Thương thực hiện các giải pháp nhằm tìm kiếm, mở rộng thị trường tiêu thụ lúa gạo.

Ngoài ra, sau thành công lớn về xuất khẩu cá tra năm 2018 với kim ngạch 2,26 tỷ USD, thì từ đầu năm 2019 giá cá tra nguyên liệu cũng bắt đầu giảm dần do ảnh hưởng tình hình xuất khẩu chậm cộng với sản lượng cá tra vẫn còn khá nhiều nên các doanh nghiệp chưa đẩy mạnh mua vào.

Với những diễn biến kém tích cực của thị trường sản phẩm nông nghiệp cả trong nước và xuất khẩu, nhiều khả năng tăng trưởng ngành nông nghiệp trong quý 1/2019 sẽ không khả quan.

Trước những diễn biến khó lường của thị trường sản phẩm nông nghiệp trong và

ngoài nước những tháng đầu năm 2019, diễn đàn “Thúc đẩy sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản Việt Nam năm 2019” do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Bộ Công Thương tổ chức vào tuần đầu tháng 3/2019 vừa qua đã đưa ra những giải pháp thúc đẩy sản xuất và tiêu thụ nông sản năm 2019 để có thể đạt những mục tiêu đề ra như sau:

Thứ nhất, tiếp tục triển khai mạnh mẽ cơ cấu lại ngành nông nghiệp; phát triển cơ cấu sản xuất theo 3 trục chủ lực: Sản phẩm chủ lực quốc gia, sản phẩm chủ lực cấp tỉnh và nhóm sản phẩm là đặc sản của địa phương gắn với chỉ dẫn địa lý.

Thứ hai, tiếp tục đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất, xây dựng các vùng nguyên liệu tập trung; đẩy mạnh liên kết phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã; thu hút đầu tư doanh nghiệp tư nhân; xây dựng các mô hình chuỗi; khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư xây dựng chuỗi siêu thị, cửa hàng tiện ích, các chợ... để thúc đẩy tiêu thụ trong nước.

Thứ ba, nâng cao năng lực chế biến nông sản, bảo quản, đóng gói, bao bì, nhãn mác để nâng cao giá trị sản phẩm.

Thứ tư, thúc đẩy nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng khoa học công nghệ; triển

khai các giải pháp tận dụng tối đa cơ hội của cách mạng công nghiệp 4.0; phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ.

Thứ năm, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tiếp tục rà soát, bãi bỏ, cắt giảm thủ tục hành chính và các điều kiện kinh doanh.

Thứ sáu, tiếp tục đàm phán để tháo gỡ rào cản thương mại và rào cản kỹ thuật của các nước đối với hàng hóa nông sản của Việt Nam.

Thứ bảy, thường xuyên tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại, giới thiệu và quảng bá các sản phẩm nông nghiệp là thế mạnh của Việt Nam ra thị trường trong nước và thế giới.

Thứ tám là xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia, tiên tiến hài hòa với quy định của các thị trường nhập khẩu trong khu vực và trên thế giới; tập trung xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu quốc gia, phát triển nhân rộng việc thực hiện cấp mã số vùng sản xuất, truy xuất nguồn gốc. Đồng thời xử lý nghiêm các hành vi gian lận làm ảnh hưởng đến chất lượng hàng hóa nông sản để giữ uy tín cho nông sản Việt Nam trên cả thị trường trong nước và quốc tế.



## Xuất khẩu các mặt hàng nông sản chủ lực giảm mạnh trong 2 tháng đầu năm 2019

Trong những tháng đầu năm 2019, hoạt động xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản ghi nhận những diễn biến trái chiều trong bối cảnh xuất khẩu thủy sản và các mặt hàng lâm sản tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng khá, trong khi xuất khẩu nhóm nông sản chủ lực giảm đáng kể do ảnh hưởng bởi nguồn cung tăng trong khi nhu cầu tiêu thụ yếu.

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, trong tháng 2/2019, kim ngạch xuất khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản (gồm 10 mặt hàng chủ lực) đạt 1,66 tỷ USD, giảm mạnh tới 48,9% so với tháng trước do trùng với kỳ nghỉ Tết Nguyên đán và giảm 11,8% so với tháng 2/2018. Tính chung trong 2 tháng đầu năm 2019, kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này đạt 4,92 tỷ USD, giảm 3,3% so với cùng kỳ năm 2018, chiếm 13,6% tỷ trọng trên tổng kim ngạch xuất khẩu hàng

hóa, thu hẹp đáng kể so với tỷ trọng chiếm 14,7% của cùng kỳ năm 2018. Trong đó, ngoại trừ kim ngạch xuất khẩu chè tăng 17,5%, xuất khẩu của tất cả các mặt hàng nông sản còn lại đều giảm so với 2 tháng đầu năm 2018. Đó là rau quả giảm 9,7%, hạt điều giảm 16,7%, cà phê giảm 19,3%, hạt tiêu giảm 12,5%, gạo giảm 23,4%, sản và sản phẩm từ sản giảm 13,3%, đáng chú ý riêng mặt hàng sản giảm tới 70%. Ở chiều ngược lại, mặt hàng xuất khẩu lớn nhất của lĩnh vực nông và lâm nghiệp nhiều năm qua là thủy sản tăng 4% lên 1,1 tỷ USD; gỗ và sản phẩm gỗ tăng 13,1% lên 1,39 tỷ USD.

Việc có nhiều nhóm hàng xuất khẩu chủ lực suy giảm trong 2 tháng đầu năm 2019 được xem là thách thức lớn đối với toàn ngành trong việc thực hiện mục tiêu đạt kim ngạch xuất khẩu trên 43 tỷ USD trong năm nay.

### Tình hình xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy sản chủ lực trong tháng 2 và 2 tháng đầu năm 2019 (ĐVT: Lượng: tấn; Trị giá: nghìn USD)

Mặt hàng	Tháng 2 năm 2019		So với tháng 2/2018 (%)		2 tháng năm 2019		So với cùng kỳ năm 2018 (%)	
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
Tổng KNXK		13.905.438		-3,3		36.112.843		4,2
Tổng KNXK NLTS		1.655.576		-11,8		4.924.454		-3,3
Tỷ trọng		11,9				13,6		
Hàng thủy sản		372.784		-7		1.109.471		4
Hàng rau quả		231.680		-13		585.498		-9,7
Hạt điều	14.761	122.991	-3,1	-21,3	47.691	390.903	4,2	-16,7
Cà phê	115.112	199.520	-15,7	-24,5	317.148	551.762	-10,1	-19,3
Chè	5.384	8.780	-8,8	0,9	17.378	30.017	5,9	17,5
Hạt tiêu	16.758	44.214	29,8	-6,5	36.036	100.918	20,4	-12,5
Gạo	274.765	116.621	-18,5	-30,5	711.759	311.594	-14	-23,4
Sản và các sản phẩm từ sản	136.867	52.797	-20,4	0,3	409.255	151.828	-28,5	-13,3
- Sản	26.986	5.172	-70,9	-72,9	93.318	15.694	-65,9	-70
Cao su	79.546	105.195	56,7	38,8	237.087	305.446	27,3	11,5
Gỗ và sản phẩm gỗ		400.994		-8,5		1.387.017		13,1
- Sản phẩm gỗ		261.730		-11,3		997.630		15,6

(Nguồn: Tổng cục Hải quan)



Trái với nhiều dự báo được đưa ra trước đó, trong 2 tháng đầu năm 2019 gạo là mặt hàng giảm mạnh nhất trong danh sách 10 mặt hàng nông, lâm, thủy sản xuất khẩu chủ lực với mức giảm lên tới 14% về lượng và 23,4% về kim ngạch so với cùng kỳ năm trước, xuống còn 711,8 nghìn tấn, trị giá 311,6 triệu USD. Giá xuất khẩu gạo bình quân trong 2 tháng đứng ở mức 438 USD/tấn, giảm 10,8% (tương đương giảm 53 USD/tấn) so với cùng kỳ năm trước. Một trong những nguyên nhân khiến giá xuất khẩu giảm là do nhu cầu tiêu thụ yếu, thị trường xuất khẩu gạo lớn nhất của Việt Nam là Trung Quốc thực hiện chặt quy định giám sát tất cả doanh nghiệp bán gạo vào

Xuất khẩu cà phê tháng 2/2019 đạt 115,1 nghìn tấn (tương đương 1.918.533 bao, bao 60kg), với kim ngạch 199,52 triệu USD, giảm 37,3% về lượng và giảm 38,5% về trị giá so với tháng trước, đưa khối lượng xuất khẩu cà phê 2 tháng đầu năm 2019 đạt 317,2 nghìn tấn và 551,8 triệu USD, giảm 10,1% về lượng và giảm 19,3% về trị giá so với cùng kỳ năm 2018.

Đối với hạt tiêu, trong 2 tháng đầu năm 2019, giá tiêu xuất khẩu bình quân tiếp tục giảm xuống 2.800 USD/tấn, giảm 27,4% so với cùng kỳ năm trước do nguồn cung hạt tiêu toàn cầu tiếp tục được bổ sung trong bối cảnh Việt Nam và Braxin đều đang bước vào vụ thu hoạch, khiến lượng



thị trường này, còn các thị trường truyền thống như Philippin, Indonesia đều đã nhập khẩu nhiều trong năm 2018 và hiện chưa có nhu cầu nhập khẩu thêm.

Trong khi đó, mặt hàng cà phê, hồ tiêu cũng chịu sức ép giảm giá do nguồn cung trên thị trường gia tăng. Đối với cà phê, do các nước cung cấp cà phê lớn như Colombia, Braxin đẩy mạnh chương trình tái canh nên sản lượng cà phê tăng mạnh.

xuất khẩu mặc dù vẫn tăng 20,4% so với cùng kỳ năm trước lên 36 nghìn tấn nhưng trị giá chỉ đạt 100,9 triệu USD, giảm 12,5%.

Trong khi đó, kim ngạch xuất khẩu rau quả - mặt hàng nông sản được kỳ vọng nhiều nhất trong những năm gần đây chỉ đạt 585,5 triệu USD trong 2 tháng đầu năm 2019, giảm 9,7% so với 2 tháng năm 2018. Nguyên nhân chính khiến xuất khẩu mặt hàng này giảm là do kim ngạch xuất khẩu

sang Trung Quốc – thị trường tiêu thụ rau quả lớn nhất của Việt Nam (chiếm khoảng 74% tỷ trọng xuất khẩu) giảm tới 14,7% trong 2 tháng đầu năm 2019 xuống 428 triệu USD trong bối cảnh từ ngày 1/1/2019, rau quả xuất khẩu sang thị trường này bắt buộc phải có truy xuất nguồn gốc rõ ràng, có giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật của phía Việt Nam và trên giấy chứng nhận phải ghi rõ các thông tin liên quan tới nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa, cả ở nơi sản xuất và nơi sơ chế, đóng gói. Sản phẩm nhập khẩu khi tiêu thụ trên thị trường nội địa Trung Quốc cũng phải có mã vạch, có QR code với các thông tin về xuất xứ, nguồn gốc, kiểm dịch.

Trong thời gian tới, xuất khẩu nhóm hàng nông sản nhiều khả năng tiếp tục gặp khó khăn do: (i) ảnh hưởng bởi tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2019 dự báo giảm; (ii) nhiều nước trên thế giới có xu hướng quay lại tập trung đầu tư cho phát triển nông nghiệp; (iii) nhiều thị trường nhập khẩu nông sản lớn của Việt Nam như Mỹ, EU, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc... đều gia tăng bảo hộ hàng nông sản thông qua các tiêu chuẩn về quản lý chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm, yêu cầu truy xuất nguồn gốc; (iv) căng thẳng thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc vẫn hiện hữu.

Bên cạnh đó, xuất khẩu sang Trung Quốc – thị trường xuất khẩu lớn nhất của hàng loạt mặt hàng chủ lực như rau quả, gạo, cao su hay sản và sản phẩm từ sản sẽ

gặp nhiều thách thức sau khi Chính phủ Việt Nam và Trung Quốc đã thống nhất quản lý xuất nhập khẩu theo hướng chuyên dân sang chính ngạch, giảm dần tiêu ngạch và kinh tế Trung Quốc được dự báo sẽ tăng trưởng chậm hơn trong năm nay. Theo đó, doanh nghiệp Việt Nam phải vượt qua nhiều rào cản kỹ thuật nếu muốn xuất khẩu vào thị trường này, trong đó có yêu cầu về an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc. Trung Quốc cũng thay đổi thể chế và quy định về an toàn thực phẩm theo hướng giảm bớt đầu mối làm thương mại xuất nhập khẩu vào thị trường Trung Quốc, đồng thời cử đoàn sang giám sát các nhà máy chế biến, nhà xuất khẩu, đồng nghĩa với việc doanh nghiệp Việt Nam phải có nhà máy, có cơ sở chế biến đóng gói thì mới được xuất khẩu. Đồng thời, nhà máy hoàn thiện phải có đầy đủ hạ tầng, trang thiết bị, hệ thống vận hành. Ví dụ, đối với thực phẩm phải áp dụng tiêu chuẩn HACCP, phải có hồ sơ lưu trữ và chỉ ra được mối nguy khi chế biến...

Trong bối cảnh này, việc cải thiện nhà máy và chất lượng sản phẩm là giải pháp bền vững, lâu dài nhằm giúp nông sản Việt Nam thâm nhập không chỉ thị trường Trung Quốc mà cả những thị trường có yêu cầu cao hơn. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp cũng cần nỗ lực hơn nữa trong việc cung cấp sản phẩm ổn định, chất lượng cao, đồng thời xây dựng hệ thống quản lý chất lượng và truy xuất nguồn gốc tương ứng.

### Việt Nam có nhiều tiềm năng đẩy mạnh xuất khẩu thủy sản sang Canada

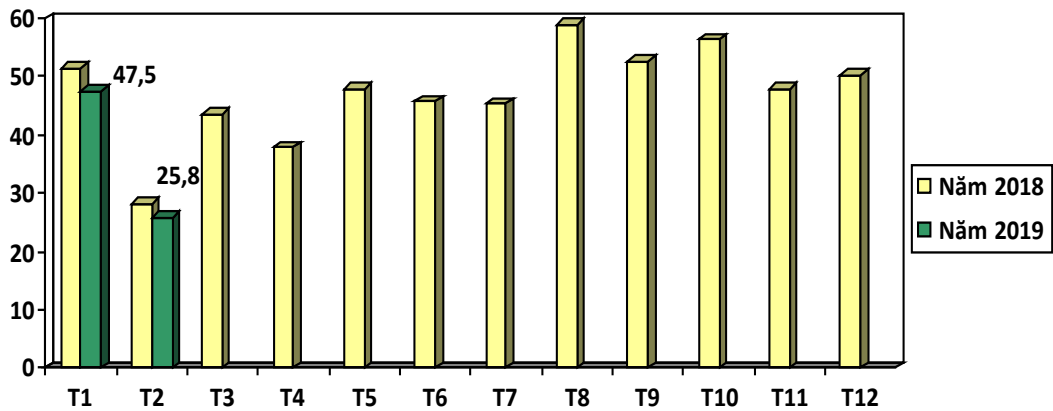
Trong 2 tháng đầu năm 2019, kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Canada giảm 8% so với cùng kỳ năm 2018, đạt 73,3 triệu USD và chiếm gần 15% tổng kim ngạch hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường này.

Trong đó, mặt hàng thủy sản xuất khẩu sang thị trường Canada đạt kim ngạch cao nhất với 30,27 triệu USD, tăng 13,6% so với 2 tháng năm 2018.

Đứng thứ hai là gỗ và sản phẩm gỗ với kim ngạch đạt 24,53 triệu USD, tăng 2% so với cùng kỳ năm 2018. Ngoài ra, kim ngạch xuất khẩu cả phê sang thị trường Canada cũng tăng mạnh 34%.

Ở chiều ngược lại, trong 2 tháng đầu năm 2019, kim ngạch xuất khẩu hạt điều sang Canada giảm mạnh 48% so với cùng kỳ năm 2018. Trong khi đó, hạt tiêu và cao su có khối lượng xuất khẩu tăng 7,8% và 1,5% nhưng kim ngạch lại giảm tới 26,9% và 17,2% do giá xuất khẩu sụt giảm.

**Kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Canada năm 2018 – 2019 (ĐVT: triệu USD)**



(Nguồn: Tổng cục Hải quan)

**Xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Canada trong tháng 2 và 2 tháng đầu năm 2019 (ĐVT: Lượng: tấn; Trị giá: nghìn USD)**

Tên hàng	Tháng 2/2019		So với tháng 1/2019 (%)		So với tháng 2/2018 (%)		2 tháng năm 2019		So với 2 tháng năm 2018 (%)	
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
<b>Tổng</b>		<b>25.842</b>		<b>-45,6</b>		<b>-8,4</b>		<b>73.314</b>		<b>-8,0</b>
Hàng thủy sản		10.870		-44,0		-5,2		30.275		13,6
Gỗ và sản phẩm gỗ		6.440		-64,3		-19,9		24.431		2,0
Hạt điều	557	5.546	-10,0	5,5	3,9	-3,0	1.176	10.801	-36,5	-48,0
Hàng rau quả		1.280		-30,4		-12,3		3.109		-10,6
Cà phê	405	762	-54,3	-52,5	193,5	157,2	1.291	2.366	45,7	34,0
Hạt tiêu	237	721	-2,5	-7,9	-9,5	-38,0	481	1.505	7,8	-26,9
Cao su	162	223	-65,0	-63,2	315,4	238,0	625	827	1,5	-17,2

(Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan)

**Nhiều cơ hội xuất khẩu nông, lâm, thủy sản sang thị trường Canada** giữa hai nước.

Việt Nam đang giữ vị trí thứ 5 châu Á về xuất khẩu hàng hóa sang Canada, sau Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc và Đài Loan với kim ngạch thương mại hai chiều tăng trưởng trung bình từ 20- 25% mỗi năm.

Việt Nam là đối tác thương mại lớn nhất của Canada ở khu vực Đông Nam Á, do đó việc Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) có hiệu lực tại Canada từ ngày 30/12/2018 và tại Việt Nam từ ngày 14/1/2019 sẽ góp phần thúc đẩy tăng trưởng giao thương

Canada cam kết xóa bỏ thuế nhập khẩu cho 95% số dòng thuế và 78% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Canada ngay khi Hiệp định có hiệu lực. Trong đó, 100% kim ngạch xuất khẩu thủy sản và 100% kim ngạch xuất khẩu gỗ được xóa bỏ thuế quan ngay khi Hiệp định có hiệu lực. Với những ưu đãi về thuế quan, các mặt hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sẽ có thêm nhiều cơ hội để đẩy mạnh xuất khẩu sang Canada trong thời gian tới.

Ngoài tác động của Hiệp định CPTPP, căng thẳng thương mại giữa Mỹ và Trung

Quốc cũng khiến nhiều doanh nghiệp Canada muốn chuyển một số nhà máy, đơn hàng từ Trung Quốc sang Việt Nam. Đây là cơ hội để Việt Nam tăng cường xuất khẩu sang Canada trong những năm tới.

Hiện nguồn hàng tiêu dùng của Canada dựa vào nguồn nhập khẩu là chủ yếu, trong đó, 50% nhập khẩu từ Mỹ, còn lại từ các khu vực khác như khu vực Mỹ Latinh và châu Á. Tuy nhiên, nhập khẩu hàng từ Việt Nam chỉ chiếm hơn 1% trong tổng nhập khẩu của Canada. Nếu xét theo quy mô thị trường, Canada chỉ bằng 1/10 quy mô thị trường Mỹ, nhưng giá trị nhập khẩu trên đầu người của Canada lại gấp đôi Mỹ. Bên cạnh đó, thị trường này chủ yếu là dân nhập cư với lượng người gốc châu Á khá lớn; trong đó, cộng đồng người Việt

hội đẩy mạnh xuất khẩu sang thị trường Canada khi mức thuế nhập khẩu từ 6-9,5% tại thị trường này được xóa bỏ.

Bên cạnh cơ hội, triển vọng từ các thị trường rộng lớn, việc Hiệp định CPTPP có hiệu lực, còn giúp việc mua máy móc, thiết bị và công nghệ từ Canada được thuận lợi hơn, khi thuế hạ xuống.

### **Hàng thủy sản:**

Theo đánh giá, xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang Canada có nhiều tiềm năng tăng trưởng, đặc biệt là xuất khẩu tôm.

Giá trị ngành nuôi trồng thủy sản Canada đạt 5 tỷ CAD (tương đương 3,8 tỷ USD hay 3,3 tỷ EUR) mỗi năm, cung cấp việc làm trực tiếp cho 25.000 người. Tuy sở hữu tiềm năng lớn, nhưng sản lượng thủy sản của Canada đã không có nhiều cải thiện trong 15 năm qua.

Theo Cục Nghề cá và Đại dương Canada (DFO), trữ lượng tôm phương bắc của tỉnh Newfoundland & Labrador có xu hướng giảm mạnh. Theo đó, năm 2018, sinh khối trong khu vực khai thác tôm số 4 (đọc theo bờ biển phía bắc của Labrador) đạt 42.100 tấn, giảm 46% so với năm 2017. Sinh khối tại khu vực khai thác tôm số 5 (khu vực phía nam của bờ biển Labrador) giảm 43% đạt

80.100 tấn. DFO đánh giá trữ lượng ở cả 2 khu vực này đều đang ở mức “báo động”. Trữ lượng tại khu vực khai thác tôm số 6 (bờ biển phía nam Newfoundland và Labrador) đạt 89.600 tấn, tăng 3% tuy nhiên khu vực này vẫn nằm trong diện cảnh báo. Như vậy, công suất khai thác tôm tại các khu vực này sẽ không được vượt quá 10%.

Trong khi đó, nhiều năm qua, Canada luôn có tên trong số 10 thị trường nhập khẩu tôm hàng đầu của Việt Nam những năm gần đây, Canada tiêu thụ khá nhiều tôm nước ấm (như tôm sú, tôm chân trắng) từ Việt Nam và Ấn Độ. Người tiêu dùng Canada



Nam có khoảng 250.000 người với nhu cầu lương thực thực phẩm rất cao. Đây là lợi thế quan trọng để các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam nói chung và hàng nông sản nói riêng tăng xuất khẩu vào thị trường Canada.

### **Gỗ và sản phẩm gỗ:**

Theo đánh giá, Hiệp định CPTPP có hiệu lực sẽ tạo thuận lợi cho các sản phẩm ngành gỗ như: Ván sàn, gỗ thanh... xuất khẩu sang thị trường Canada bởi mức thuế 3,5% sẽ được xóa bỏ. Bên cạnh đó, các sản phẩm như: ván dán, ván ghép, khung tranh, khung cửa, đặc biệt là đồ nội thất sẽ có cơ

ngày càng ưa chuộng sản phẩm thủy sản chế biến, nhất là tôm chế biến và tôm đông lạnh, do tính tiện dụng cao. Trong thực đơn nhiều nhà hàng, các món chế biến từ tôm ngày càng phổ biến.

Tuy nhiên, tại thị trường Cannada, Việt Nam phải cạnh tranh mạnh về giá với các nước đối thủ. Bên cạnh đó, cạnh tranh ngày càng lớn từ Ấn Độ về nguồn cung và sản phẩm cũng góp phần làm giảm thị phần của tôm Việt Nam trên thị trường này. Mặc dù Ấn Độ hiện vẫn đứng sau Việt Nam về cung cấp tôm cho Canada nhưng tốc độ tăng trưởng nhập khẩu tôm Ấn Độ vào thị trường này có sự gia tăng nhanh trong thời gian qua.

Hiện nay, Việt Nam xuất khẩu sang

thị trường Canada chủ yếu là các mặt hàng như: Tôm các loại, cá tra, basa, cá ngừ... Canada có những yêu cầu về thủy sản khá khắt khe. Vì vậy, việc xuất khẩu sang thị trường Canada sẽ giúp thủy sản Việt Nam tiếp cận dễ dàng hơn với các thị trường “khó tính” khác.

Để xuất khẩu tôm sang Canada, các doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam cần tập trung vào phân khúc hàng giá trị gia tăng. Đối với các sản phẩm tươi sống nhà xuất khẩu nên cung cấp cho khách hàng Canada thông tin về cách chuẩn bị hoặc cách chế biến sản phẩm đó. Bên cạnh đó, doanh nghiệp nên quan tâm nhiều hơn đến mẫu mã hàng hóa, phát triển mặt hàng mới, chú trọng chất lượng dịch vụ, bao gói, nhãn mác, giá cả phù hợp.

### **Các mặt hàng thủy sản của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường Canada trong tháng 1/2019 (ĐVT: Lượng: tấn; Trị giá: nghìn USD; Giá XKBQ: USD/tấn)**

Tên hàng	Tháng 1/2019			So với tháng 12/2018 (%)			So với tháng 1/2018 (%)		
	Lượng	Trị giá	Giá XKBQ	Lượng	Trị giá	Giá XKBQ	Lượng	Trị giá	Giá XKBQ
Cá tra, basa	1.376	4.956	3.603	19,7	22,5	2,3	5,9	28,6	21,5
Tôm các loại	1.039	11.173	10.752	-29,1	-27,3	2,5	48,1	33,0	-10,2
Cá ngừ các loại	306	1.830	5.985	9,2	-10,0	-17,6	101,6	59,8	-20,8
Cá đông lạnh	214	810	3.783	43,6	38,6	-3,5	-11,0	-22,5	-12,9
Mắm	40	85	2.139	110,0	316,9	98,5	1.759,2	1.216	-29,2
Nghêu các loại	26	78	3.011	898,0	1.198,5	30,1			
Bạch tuộc các loại	17	101	6.027	105,8	84,9	-10,2	1,3	7,3	6,0
Ghẹ các loại	13	176	13.611	2.113,1	2.685,5	25,9	418,4	1.311	172,2
Cá đóng hộp	13	16	1.260				-60,3	-50,5	24,8
Mực các loại	7	63	8.536	-65,9	-48,4	51,2	-58,2	-57,5	1,7
Tép	7	30	4.204				609,9	777,6	23,6
ốc các loại	7	20	2.900	55,1	36,9	-11,7			
Cá khô	4	21	4.914	20,9	2,6	-15,1	80,5	26,5	-29,9
Surimi	4	25	6.259	-83,0	-68,1	87,8	34,4	24,3	-7,5
Ba khía	1	1	2.120	-30,6	-80,7	-72,2	-38,3	-79,9	-67,4
Thủy sản làm cảnh	0,3	7	22.688	-60,0	1,5	153,8	-59,2	36,5	234,9
Cua các loại	0,1	2	20.000	-94,0	-50,6	722,7	-99,4	-99,4	2,9
<b>Tổng</b>	<b>3.073</b>	<b>19.395</b>	<b>6.311</b>	<b>-1,9</b>	<b>-13,3</b>	<b>-11,7</b>	<b>22,3</b>	<b>27,2</b>	<b>3,9</b>

(Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan)

## Các sản phẩm hữu cơ có nhiều tiềm năng xuất khẩu vào thị trường Đức

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, trong tháng 2/2019, kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Đức đạt 48,25 triệu USD, giảm 51,2% so với tháng 1/2019 và giảm 32,2% so với cùng kỳ năm 2018.

Tính chung 2 tháng đầu năm 2019, kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường này đạt 147,09 triệu USD, giảm 14,3% so với cùng kỳ năm 2018 và chiếm gần 15% trong tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường Đức.

Ở chiều ngược lại, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Đức tăng 11,3%, hạt điều tăng 4,9%, hàng rau quả tăng 37,3%.

Nông, lâm, thủy sản đang là một trong những nhóm hàng chủ chốt của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường Đức. Do đó, trong thời gian tới khi Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - châu Âu (EVFTA) có hiệu lực với cam kết xóa bỏ thuế nhập khẩu lên tới hơn 99% biểu thuế và giá trị thương mại mà hai bên đã thống nhất, cơ hội gia tăng xuất khẩu cho những mặt hàng



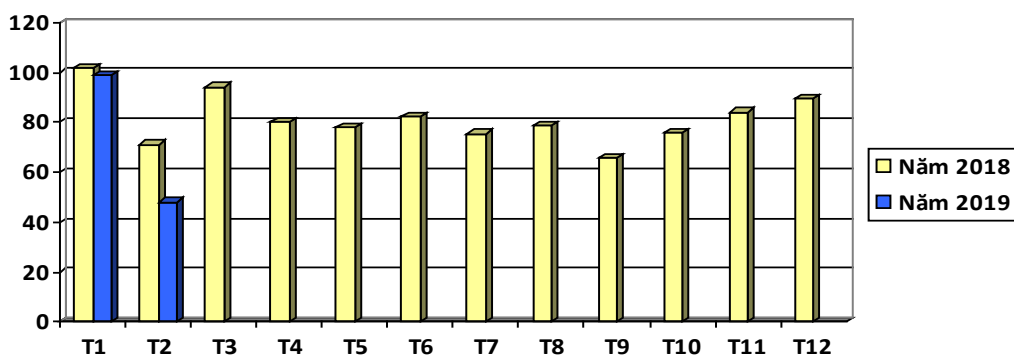
Trong 2 tháng đầu năm 2019, cà phê tiếp tục là mặt hàng được xuất khẩu nhiều nhất sang thị trường Đức trong 2 tháng đầu năm 2019 với khối lượng đạt 41,2 nghìn tấn, trị giá 68,22 triệu USD, nhưng so với cùng kỳ năm 2018 xuất khẩu mặt hàng này đã giảm tới 16,9% về lượng và 24,3% về trị giá. Đáng chú ý, chỉ riêng mặt hàng này đã chiếm 46,38% tổng kim ngạch nông, lâm, thủy sản xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Đức.

2 tháng đầu năm 2019, kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam sang thị trường Đức cũng giảm 7,6% so với 2 tháng năm 2018, cao su giảm 25,8%, hạt tiêu giảm 22,9% và chè giảm 72,4%.

Việt Nam có lợi thế như dệt may, da giày, nông thủy sản (kể cả gạo, đường, mật ong, rau củ quả), đồ gỗ... sang EU nói chung và thị trường Đức nói riêng là rất đáng kể. Đặc biệt, đối với các mặt hàng trước đây Việt Nam chưa thể xuất khẩu sang thị trường Đức do hàng rào thuế quan còn cao, cũng sẽ có thể tiếp cận được thị trường này với giá cả cạnh tranh hơn.

Xu thế hiện nay của người tiêu dùng Đức ưa dùng các loại thực phẩm sản xuất bằng phương pháp hữu cơ, tránh sử dụng các hóa chất tổng hợp. Vì vậy, việc sản xuất và xuất khẩu các sản phẩm nông nghiệp hữu cơ sẽ có nhiều triển vọng xuất khẩu vào thị trường Đức trong thời gian tới.

## Kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Đức năm 2018 – 2019 (ĐVT: triệu USD)



(Nguồn: Tổng cục Hải quan)

### Xuất khẩu nông, lâm, thủy sản của Việt Nam sang thị trường Đức trong tháng 2 và 2 tháng đầu năm 2019 (ĐVT: Lượng: tấn; Trị giá: nghìn USD)

Tên hàng	Tháng 2/2019		So với tháng 1/2019 (%)		So với tháng 2/2018 (%)		2 tháng năm 2019		So với 2 tháng năm 2018 (%)	
	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá	Lượng	Trị giá
<b>Tổng</b>		<b>48.254</b>		<b>-51,2</b>		<b>-32,2</b>		<b>147.089</b>		<b>-14,3</b>
Cà phê	15.362	24.756	-40,7	-43,2	-27,3	-35,4	41.208	68.218	-16,9	-24,3
Hàng thủy sản		8.103		-53,1		-15,9		25.362		-7,6
Gỗ và sp gỗ		5.950		-67,0		-34,8		23.995		11,3
Hạt điều	553	4.762	-53,4	-53,0	-10,4	-26,8	1.740	14.897	29,1	4,9
Cao su	1.941	2.670	-56,5	-55,4	-35,2	-44,4	6.401	8.661	-13,1	-25,8
Hạt tiêu	410	1.322	-31,3	-36,8	3,3	-22,4	1.007	3.414	3,0	-22,9
Hàng rau quả		640		-64,6		-31,6		2.442		37,3
Chè	8	51				-75,0	15	99	-84,8	-72,4

(Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Hải quan)

### Triển vọng xuất khẩu cà phê sang thị trường Đức

Mặc dù sụt giảm khá mạnh trong 2 tháng đầu năm 2019, nhưng cà phê được dự báo sẽ tăng trở lại và tiếp tục là mặt hàng nông sản xuất khẩu chủ lực của Việt Nam sang thị trường Đức trong thời gian tới do nhu cầu tiêu thụ và nhập khẩu của thị trường này có xu hướng tăng.

Theo số liệu của Trung tâm thương mại quốc tế (ITC), trong nhiều năm qua Đức luôn duy trì vị trí số hai thế giới về nhập khẩu cà phê sau Mỹ với khối lượng đạt hơn 1,1 triệu tấn. Đồng thời, Đức chiếm khoảng 20% tổng tiêu dùng cà phê của châu Âu.

Trong năm 2018, nhập khẩu cà phê của Đức đạt mức cao kỷ lục 1,2 triệu tấn, tăng 7,3% so với năm 2017. Trong đó, Việt Nam là thị trường cung cấp cà phê lớn thứ hai cho thị trường này sau Braxin với khối lượng đạt 278,04 nghìn tấn, tăng 17,1% so với năm 2017. Đáng chú ý, thị phần cà phê của Việt Nam xuất khẩu vào thị trường Đức chiếm 23,1% tổng khối lượng cà phê nhập khẩu của nước này, tăng so với thị phần 21,2% của năm 2017. Đồng thời Đức cũng là thị trường tiêu thụ cà phê lớn nhất của Việt Nam

Để tăng khối lượng và giá trị xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang thị trường Đức, các doanh nghiệp xuất khẩu cà phê cần đặc biệt quan tâm và phát triển cà phê hữu cơ bởi đây đang là xu hướng tiêu dùng của người dân Đức.

Người tiêu dùng Đức ưa dùng cà phê Arabica chất lượng cao, rang xay. Tuy nhiên, ngày nay nhu cầu cà phê đối với các loại sản phẩm cà phê khác cũng đang tăng lên, bao gồm các loại cà phê đặc biệt và vỏ cà phê xay. Trong đó, sử dụng cà phê hữu cơ đang ngày càng phổ biến trên thị trường Đức.

Tại Đức, lĩnh vực thực phẩm và đồ uống hữu cơ là một phân khúc thị trường quan trọng và phát triển mạnh trong thời gian qua. Xu hướng phát triển này đòi hỏi các sản phẩm hữu cơ của người tiêu dùng Đức đã dẫn đến sự quan tâm mạnh mẽ đối với cà phê hữu cơ.

Sự phổ biến của thực phẩm hữu cơ ở Đức chủ yếu được thúc đẩy bởi sự quan tâm của người tiêu dùng đối với sức khỏe. Ngoài ra, người tiêu dùng Đức có thu nhập tương đối cao so với các quốc gia khác ở châu Âu. Điều này khiến họ sẵn sàng chi thêm tiền cho các sản phẩm hàng ngày như cà phê.

## Tham khảo một số thị trường cung cấp cà phê lớn nhất cho thị trường Đức năm 2014 - 2018

Thị trường	Năm 2014 (tấn)	Năm 2015 (tấn)	Năm 2016 (tấn)	Năm 2017 (tấn)	Năm 2018 (tấn)	Năm 2018 so với năm 2017 (%)	Tỷ trọng năm 2018 (%)	Tỷ trọng năm 2017 (%)
<b>Thế giới</b>	<b>1.162.073</b>	<b>1.110.810</b>	<b>1.197.360</b>	<b>1.121.596</b>	<b>1.203.710</b>	<b>7,3</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>
Braxin	380.057	361.073	368.322	323.657	347.368	7,3	28,9	28,9
Việt Nam	256.634	220.782	290.006	237.454	278.036	17,1	23,1	21,2
Honduras	80.731	84.789	95.141	107.320	102.275	-4,7	8,5	9,6
Côlombia	54.279	62.126	67.732	53.429	622.222	1.064,6	51,7	4,8
Pêru	53.400	54.820	56.156	50.096	58.872	17,5	4,9	4,5
Nhật Bản	34.597	31.953	27.512	37.926	48.809	28,7	4,1	3,4
Ethiopia	37.225	39.330	39.523	42.742	47.863	12,0	4,0	3,8
Italia	23.705	25.947	33.591	36.520	37.593	2,9	3,1	3,3
Ấn Độ	29.047	23.967	29.133	35.302	32.622	-7,6	2,7	3,1
Trung Quốc	20.489	15.467	21.327	15.360	25.561	66,4	2,1	1,4

(Nguồn: Trung tâm thương mại quốc tế)

### Thủy sản

Cùng với cà phê thì thủy sản cũng là một trong những mặt hàng xuất khẩu sang Đức có nhiều tiềm năng trong thời gian tới.

Theo thống kê của ITC, trong năm 2018, Đức đứng thứ 6 thế giới về nhập khẩu cá và động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật không xương sống (Mã HS 03) đồng thời đứng thứ 4 thế giới về nhập khẩu các sản phẩm chế biến từ thịt, cá hoặc động vật giáp xác, động vật thân mềm... (Mã HS 16).

Trong đó, Việt Nam là một trong những nhà cung cấp chính hai sản phẩm trên cho thị trường Đức nhưng tỷ trọng các mặt hàng này còn thấp, mới chỉ chiếm 2,6% tổng dung lượng thị trường. Trong thời gian tới, khi Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - châu Âu được thông qua và việc khắc phục thế vãng của EU đối với ngành thủy sản Việt Nam diễn ra thuận lợi thì ngành thủy sản sẽ có thêm nhiều cơ hội để gia tăng thị phần tại thị trường Đức.



**Đức nhập khẩu cá và động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật không xương sống (HS 03) từ một số thị trường trên thế giới năm 2018**

Thị trường	Năm 2018 (nghìn USD)	So với năm 2017 (%)	Tỷ trọng năm 2018 (%)	Tỷ trọng năm 2017 (%)
<b>Thế giới</b>	<b>4.626.642</b>	<b>-1,7</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>
Ba Lan	879.215	5,3	19,0	17,7
Na Uy	663.303	12,2	14,3	12,6
Hà Lan	480.463	10,2	10,4	9,3
Đan mạch	472.851	-11,9	10,2	11,4
Trung Quốc	402.211	-1,9	8,7	8,7
Litva	179.374	-5,8	3,9	4,0
Mỹ	179.023	-37,2	3,9	6,1
Việt Nam	122.548	8,3	2,6	2,4

(Nguồn: Trung tâm thương mại quốc tế)

**Đức nhập khẩu các sản phẩm chế biến từ thịt, cá hoặc động vật giáp xác, động vật thân mềm... (HS 16) từ một số thị trường trên thế giới năm 2018**

Thị trường	Năm 2018	So với năm 2017 (%)	Tỷ trọng năm 2018 (%)	Tỷ trọng năm 2017 (%)
Thế giới	3.519.709	11,8	100,0	100,0
Hà Lan	545.626	9,9	15,5	15,8
Ba Lan	438.782	17,9	12,5	11,8
Áo	382.022	23,3	10,9	9,8
Italia	340.010	8,8	9,7	9,9
Đan mạch	277.346	18,4	7,9	7,4
Tây Ban Nha	166.539	16,3	4,7	4,5
Pháp	153.836	16,0	4,4	4,2
Ecuador	130.140	59,7	3,7	2,6
Bỉ	120.405	33,8	3,4	2,9
Thái Lan	116.915	-0,9	3,3	3,8
Braxin	115.840	-18,2	3,3	4,5
Việt Nam	92.046	6,1	2,6	2,8

(Nguồn: Trung tâm thương mại quốc tế)



## **Tây Ninh xây dựng thương hiệu nông sản và phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao**

Sau 30 năm thực hiện đường lối đổi mới, ngành nông nghiệp Tây Ninh đã có những đóng góp quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và có những bước chuyển biến rõ nét trong sản xuất, ứng dụng khoa học công nghệ, cơ cấu sản xuất.

Tây Ninh xác định phát triển kinh tế nông nghiệp là chủ yếu, trong đó, lựa chọn những loại cây trồng, vật nuôi phù hợp để phát triển mô hình nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ gắn với các cơ sở thu mua, chế biến, nâng cao giá trị sản phẩm. Nhờ đó, tạo điều kiện cho người dân từng bước làm giàu từ các sản phẩm nông nghiệp trên mảnh đất của mình.

Tỉnh Tây Ninh phấn đấu đến năm 2020 có khoảng 800 ha và đến năm 2030 đạt 1.800 ha vườn cây ăn trái đạt tiêu chuẩn VietGAP. Riêng rau, củ, quả chuyên canh đạt khoảng 1.000 - 1.500 ha vào năm 2020 và 4.000 ha vào năm 2030... Bình quân giá trị sản phẩm thu hoạch trên diện tích đất trồng trọt đạt 100 triệu đồng/ha đến năm 2020 và 264 triệu đồng/ha vào năm 2030.

Để tái cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030, tỉnh đang rà soát, quy hoạch, xác định lại 18 vùng và 5 điểm sản xuất các loại cây ăn quả đặc sản; cây công nghiệp, rau, đậu; hoa, nấm trong nhà kính; chăn nuôi... với tổng diện tích đất sử dụng cho các dự án kể trên khoảng trên 17.000 ha. Cụ thể, tỉnh dành gần 16.000 ha đất tại các huyện Tân Biên, Tân Châu, Gò Dầu, Dương Minh Châu, Gò Dầu và Thành phố Tây Ninh để phát triển các vùng cây ăn quả đặc sản như xoài, nhãn, mít, sầu riêng, bưởi, khóm, măng cầu...; 1.100 ha tại các huyện Tân Châu, Châu Thành và Trảng Bàng để phát triển cây công nghiệp lâu năm có giá trị cao (điều, ca cao...), hoa, nấm trong nhà kính, nhà màng và cây dược liệu (nhàu, đinh lăng...); dành 200 ha tại huyện Gò Dầu để chăn nuôi bò thịt, heo (lợn) hữu cơ...

Từ những mục tiêu trên, tỉnh sẽ tăng cường xúc tiến thương mại giữa các tỉnh, thành trong khu vực và một số thành phố lớn trong và ngoài nước để sản xuất và tiêu thụ các mặt hàng nông sản là thế mạnh của tỉnh, nhất là sản phẩm ứng dụng công nghệ cao. Xem việc chuyển giao khoa học công nghệ trong sản xuất nông nghiệp công nghệ cao đến năm 2020 là bước đột phá trong phát triển nông nghiệp của tỉnh. Ngoài ra, tỉnh Tây Ninh cũng đang xem xét các điều kiện để công nhận 4 vùng nông nghiệp diện tích khoảng 3.560 ha sản xuất công nghệ cao (chăn nuôi bò sữa, mía, rau, đậu, cây ăn quả đặc sản...) đã có nhà đầu tư tại các huyện Bến Cầu, Châu Thành.



### ***Xây dựng chuỗi giá trị trong sản xuất nông nghiệp:***

Trong quá trình hội nhập, mở cửa thị trường nông sản như hiện nay vừa là cơ hội, cũng vừa đan xen thách thức đối ngành nông nghiệp Việt Nam nói chung và Tây Ninh nói riêng. Điều này đòi hỏi ngành nông nghiệp tỉnh tái cơ cấu lại sản xuất theo hướng nâng cao chất lượng cây

trồng, vật nuôi; bảo đảm vệ sinh an toàn sản phẩm bằng phương thức thay đổi tập quán sản xuất truyền thống; ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất để giảm giá thành, nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm đủ sức cạnh tranh trên thị trường.

Tỉnh Tây Ninh đã xây dựng đề án chuỗi giá trị trong sản xuất nông nghiệp để nghiên cứu, đánh giá lại sản xuất; trong đó, xác định loại cây trồng có lợi thế để duy trì, mở rộng diện tích và có giải pháp khuyến khích. Việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng ở Tây Ninh theo hướng tập trung, chuyên canh gắn với cơ chế thị trường và ngành công nghiệp chế biến đã đạt được hiệu quả tích cực.

Trong giai đoạn năm 2016 - 2018, diện tích trồng lúa của Tây Ninh đã giảm trung bình 0,3%/năm, cao su giảm 0,9%, khoai mì (sắn) giảm 10,4%. Riêng cây mía, năm 2018 đã giảm 6% so với năm 2017.



Diện tích trồng các loại cây khác đang tăng mạnh với tốc độ bình quân 10%/năm, đặc biệt là cây ăn trái. Hiện diện tích vườn cây ăn trái của tỉnh trên 20.200 ha, nhiều nhất là các loại cây đem lại lợi nhuận cao gấp 3,4 lần so với cây truyền thống như: Nhãn, sầu

riêng, bưởi, chuối, xoài, măng cầu (na)...

Cây ăn quả được trồng theo mô hình sản xuất công nghệ cao, mang lại giá trị cao như trồng măng cầu không sử dụng thuốc trừ sâu (bao trái bằng bọc ni lon) với diện tích gần 300 ha quanh khu vực chân núi Bà Đen của Công ty cổ phần Natani tại xã Thạnh Tân (thành phố Tây Ninh) cùng nhiều hộ dân tại các xã Tân Hưng (huyện

Tân Châu), xã Phan (huyện Dương Minh Châu)...

Mô hình này được cơ quan chức năng theo dõi, hướng dẫn sản xuất trên nền tảng quy trình VietGap và được cấp giấy chứng nhận (VietGap) kết hợp với giấy chứng nhận chỉ dẫn địa lý cho trái măng cầu Bà Đen. Nhờ đó, doanh nghiệp và nông dân cùng nâng cao giá trị, tạo thương hiệu, uy tín cho sản phẩm. Thu nhập của người dân thêm khoảng 200 triệu đồng/ha/năm so với hình thức sản xuất truyền thống.

Ngoài ra, các mô hình khác như: Sản xuất bưởi da xanh (khoảng trên 800 ha, diện tích đang thu hoạch 400 ha) của các hộ nông dân thuộc các huyện Tân Biên, Tân Châu, Dương Minh Châu cũng đã đem lại lợi nhuận cao gấp 3,4 lần so với diện tích trồng cao su, lúa...; mô hình sản xuất chuỗi già xuất khẩu (diện tích khoảng 380 ha) tại các huyện Tân Biên, Tân Châu, Trảng Bàng cho thu nhập khoảng 100-400 triệu đồng/ha/năm...

### **Thu hút công nghiệp chế biến:**

Hiện tỉnh đã thu hút được gần 30 dự án đầu tư vào các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản... với tổng số vốn đăng ký đạt gần 2.000 tỷ đồng, nâng tổng số dự án thuộc lĩnh vực nông nghiệp toàn tỉnh lên 57 dự án với tổng số vốn đầu tư trên 4.000 tỷ đồng. Nhờ đó, thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn của tỉnh được nâng lên, đạt gần 40 triệu đồng/người/năm.

Để nguồn sản phẩm trái cây, rau, củ quả được tiêu thụ ổn định, tỉnh Tây Ninh đã ký kết với Công ty cổ phần Nafoods Group xây dựng vùng nguyên liệu và bao tiêu toàn bộ sản phẩm trái cây cho nông dân. Dự án được triển khai vào đầu năm 2019 với diện tích đầu tư, bao tiêu sản phẩm khoảng 10.000 ha.

Cùng với đó, nhà máy chế biến trái cây Tanifood tại xã Thạnh Đức, huyện Gò Dầu (Tây Ninh) có công suất 500 tấn nguyên liệu/ngày (gồm xoài, khóm, chuối, thanh long, măng cầu...) cũng sẽ đi vào hoạt động cuối năm nay.

Ngoài ra, ngành nông nghiệp tỉnh đã đàm phán với Công ty TNHH Xuất khẩu và Phát triển nông nghiệp công nghệ cao Bình Dương (BD HAPIMEX) để triển khai ký hợp đồng đầu tư, bao tiêu sản phẩm với nông dân trồng thêm 500 ha chuỗi Cavendish đạt tiêu chuẩn xuất khẩu.

Năm 2019, Tây Ninh sẽ triển khai quy hoạch 18 vùng sản xuất với diện tích khoảng 17.000 ha tại các huyện Tân Biên, Tân Châu, Trảng Bàng, Châu Thành, Gò Dầu, Dương Minh Châu... để phát triển rau quả, cây ăn trái, chăn nuôi theo mô hình ứng dụng công nghệ cao nhằm cung cấp sản phẩm lâu dài theo đơn đặt hàng của các công ty chế biến trái cây như Tanifood, Nafoods, BD HAPIMEX... Qua đó, tạo thành chuỗi liên kết sản xuất lâu dài giữa người nông dân và doanh nghiệp chế biến, tiêu thụ sản phẩm.

### Vĩnh Long: Hợp tác trồng xoài xuất khẩu sang Mỹ

Vừa qua, tại Vĩnh Long đã diễn ra lễ kí kết hợp tác giữa Công ty XNK Green Path (Hà Nội) và các hợp tác xã xoài tỉnh Vĩnh Long nhằm xuất khẩu sang thị trường Mỹ.

Hiện nay, toàn tỉnh Vĩnh Long có 44.499 ha trồng cây ăn trái với tổng sản lượng ước đạt 440.916 tấn/năm. Trong đó, cây xoài có diện tích 4.899 ha chiếm 11% về diện tích, tập trung tại các huyện Vũng Liêm, Tam Bình, Mang Thít với các loại như xoài cát Núi, cát Chu, xanh Đài Loan, Hòa Lộc, Tứ Quý. Toàn tỉnh có 93,19 ha xoài đạt chứng nhận VietGAP và đã thực hiện xây dựng mã số vùng trồng trên xoài, chôm chôm, nhãn, bưởi.

### Khai mạc Lễ hội Cà phê Buôn Ma Thuột

Tối ngày 9/3/2019, Lễ hội Cà phê Buôn Ma Thuột lần thứ 7 năm 2019 với chủ đề “Tinh hoa đại ngàn” đã khai mạc tại Quảng trường 10/3, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Sản phẩm cà phê của tỉnh Đắk Lắk, với thương hiệu và chỉ dẫn địa lý cà phê Buôn Ma Thuột nổi tiếng đã có mặt ở hơn 60 quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới, góp phần lớn vào tổng giá trị xuất khẩu cà phê của cả nước.

Ngành nông nghiệp còn triển khai thi công, mở rộng các dự án thủy lợi, đưa nguồn nước hồ Dầu Tiếng - Phước Hòa vượt sông Vàm Cỏ Đông về tưới tiêu, mở rộng diện tích, thâm canh cây trồng cho hai huyện biên giới Châu Thành và Bến Cầu; đồng thời, tập trung triển khai các chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp của Trung ương và địa phương như: Cho vay vốn ưu đãi theo Quyết định 68 của Thủ tướng Chính phủ, hỗ trợ chăn nuôi nông hộ (giống cây trồng, bò sữa, bò thịt), hỗ trợ thủy lợi phí, nước sinh hoạt nông thôn... nhằm huy động hiệu quả nguồn lực về lao động, vốn đầu tư để phát triển cho nông nghiệp, nông thôn.

Tỉnh Tây Ninh phấn đấu trở thành một trung tâm sản xuất, chế biến nông sản chất lượng cao của cả nước, một hình mẫu đi lên làm giàu từ nông nghiệp.

Đối với tỉnh Vĩnh Long, đây là lần đầu tiên tỉnh tổ chức buổi lễ ra mắt, ký kết hợp tác xuất khẩu hàng nông sản đi thị trường quốc tế. UBND tỉnh Vĩnh Long đề nghị Công ty Green Path tiếp tục hỗ trợ, giúp đỡ cung cấp những thông tin về các yếu tố rào cản kỹ thuật của thị trường Mỹ tới nông dân. Phía Công ty cũng rất mong muốn hợp tác lâu dài cùng nông dân trồng xoài ở Vĩnh Long. Trên cơ sở các mô hình sản xuất xoài theo tiêu chuẩn VietGAP, công ty mong muốn bà con sản xuất theo hướng hữu cơ để nâng cao chất lượng, giá trị xuất khẩu cho trái xoài của tỉnh.

Lễ hội cà phê Buôn Ma Thuột lần thứ 7 nhằm tiếp tục quảng bá thương hiệu cà phê Buôn Ma Thuột, góp phần nâng tầm giá trị và khẳng định vị thế thương hiệu cà phê Việt Nam trên thị trường thế giới; tôn vinh người trồng, chế biến và kinh doanh cà phê; động viên cộng đồng cùng chung tay vun đắp cho sự phát triển của văn hóa cà phê trên địa bàn Đắk Lắk nói riêng và Việt Nam nói chung, từng bước đưa Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk trở thành điểm đến của cà phê thế giới.

### Ban hành hạn ngạch thuế quan nhập khẩu muối, trứng gia cầm năm 2019

Bộ Công Thương mới đây ban hành Thông tư quy định về nguyên tắc điều hành hạn ngạch thuế quan nhập khẩu đối với mặt hàng muối, trứng gia cầm năm 2019.

Theo đó, mặt hàng trứng gia cầm gồm: trứng gà (mã số 0407.21.00 và 0407.90.10); trứng vịt, ngan (mã số 0407.29.10 và 0407.90.20) và loại khác (mã số 0407.29.90 và 0407.90.90) có tổng số lượng là 55.181 tá (trên 660 nghìn quả). Đây đều là trứng thương phẩm không có phôi.

Hạn ngạch thuế quan nhập khẩu trứng gia cầm được phân giao cho thương nhân có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có nhu cầu nhập khẩu.

Mặt hàng muối (mã số 2501) có số lượng 110.000 tấn.

Hạn ngạch thuế quan nhập khẩu muối được phân giao cho thương nhân trực tiếp sử dụng làm nguyên liệu sản xuất hóa chất và làm nguyên liệu sản xuất thuốc, sản phẩm y tế.

Thời điểm phân giao hạn ngạch thuế quan nhập khẩu muối thực hiện theo đề nghị của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để không ảnh hưởng đến sản xuất, tiêu thụ muối của diêm dân và đáp ứng nhu cầu cho các ngành kinh tế khác.

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17/4/2019 đến hết ngày 31/12/2019.



### Bộ Công Thương ban hành Kế hoạch thực hiện Hiệp định CPTPP

Bộ Công Thương vừa ban hành quyết định liên quan đến Kế hoạch thực hiện Hiệp định Đối tác Toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) với lộ trình triển khai gồm 2 giai đoạn, giai đoạn 1 năm 2019 và giai đoạn 2 từ năm 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2035.

Cụ thể, Bộ Công Thương sẽ triển khai Kế hoạch làm 2 giai đoạn: Giai đoạn 1 năm 2019 và giai đoạn 2 từ năm 2020-2025, tầm

nhìn đến năm 2035.

Trong đó, giai đoạn 1 bao gồm các nhiệm vụ chính như tập trung hoàn tất các công việc liên quan đến ban hành các văn bản pháp luật cần thiết để thực hiện Hiệp định CPTPP; xây dựng và triển khai kế hoạch tuyên truyền, tập trung vào việc tuyên truyền, giới thiệu các thông tin về Hiệp định CPTPP; xây dựng và vận hành Cổng thông tin điện tử về FTA.

Đồng thời, xây dựng và vận hành các đầu mối triển khai các nội dung liên quan đến Bộ Công Thương để thực hiện và tham gia Hiệp định CPTPP; Xây dựng các chương trình phát triển thị trường cho các mặt hàng xuất khẩu có tiềm năng và lợi thế của Việt Nam vào thị trường các nước CPTPP; xây dựng, củng cố cơ chế phối hợp liên ngành, địa phương trong các vụ việc phòng vệ thương mại;...

Giai đoạn 2 bao gồm các nhiệm vụ chính như tiếp tục triển khai các công việc liên quan đến việc sửa đổi, ban hành văn bản pháp luật cần thiết để thực hiện Hiệp định CPTPP; tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các biện pháp kỹ thuật phù hợp với các cam kết quốc tế để hỗ trợ cho sự phát triển của các doanh nghiệp, sản phẩm Việt Nam và bảo vệ người tiêu dùng; tiếp tục triển khai các nhiệm vụ liên quan đến việc xây dựng Đề án cảnh báo sớm về phòng vệ thương mại;...

Mục tiêu của Kế hoạch là tập trung hỗ trợ tất cả các Bộ, ngành, địa phương xây dựng và triển khai Kế hoạch hành động thực hiện Hiệp định CPTPP. Bên cạnh đó, vận dụng và phát huy có hiệu quả các ưu đãi của Hiệp định, từ đó tận dụng tối đa các cơ hội và hạn chế tối thiểu các thách thức của Hiệp định CPTPP trong hoạt động sản

### Tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

Phó Thủ tướng Chính phủ Vương Đình Huệ - Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020 vừa ký ban hành Kế hoạch tổng kết 10 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020.

Mục đích của kế hoạch nhằm đánh giá toàn diện, tổng thể kết quả và tác động của 10 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020, trong đó tập trung đánh giá những mặt được, chưa được, nguyên nhân và rút ra bài học kinh nghiệm triển khai thực hiện Chương trình.

xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, góp phần tích cực vào quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, tạo công ăn việc làm và xóa đói giảm nghèo...

Phạm vi của Kế hoạch sẽ tập trung triển khai thực hiện tại các tỉnh, thành phố trên cả nước.

Trước đó, tháng 1/2019, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định phê duyệt Kế hoạch thực hiện Hiệp định Đối tác toàn diện và tiên bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP). Theo đó, Thủ tướng yêu cầu các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cần cụ thể hóa và tổ chức triển khai thực hiện những nhiệm vụ cơ bản.

Cụ thể, tăng cường phổ biến về Hiệp định CPTPP cho các đối tượng có liên quan thông qua các phương tiện truyền thông; thiết lập đầu mối thông tin về Hiệp định CPTPP nói riêng và các hiệp định thương mại tự do (FTA) nói chung; xây dựng các chương trình hỗ trợ, nâng cao năng lực cạnh tranh cho các ngành hàng, doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ, nông dân, phù hợp với cam kết quốc tế; tập trung cơ cấu lại công nghiệp, tạo nền tảng cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa;...

Đồng thời đề xuất các nguyên tắc, chủ trương, cơ chế, chính sách và giải pháp chủ yếu triển khai Chương trình giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030.

Tổ chức tôn vinh, khen thưởng các tập thể, cá nhân, phong trào tiêu biểu thực hiện Phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2016-2020.

Phó Thủ tướng yêu cầu việc tổng kết phải bám sát các nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2010-2020, tiêu chí huyện, xã nông thôn mới và theo quy chế quản lý, điều hành thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

---

Trong quá trình tổng kết ở các cấp, phải tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc các cấp, các tổ chức chính trị-xã hội, các tổ chức xã hội và người dân được tham gia đóng góp ý kiến.

Theo kế hoạch, ở cấp tỉnh, hoàn thành tổng kết trong tháng 9/2019 và gửi báo cáo Tổng kết cho Ban Chỉ đạo Trung ương và các bộ, ngành trung ương có liên quan

trước ngày 30/9/2019 để tổng hợp.

Các bộ, ngành, trung ương hoàn thành tổng kết trong tháng 9/2019 và gửi báo cáo Tổng kết cho Ban Chỉ đạo Trung ương và các bộ, ngành trung ương có liên quan trước ngày 30/9/2019 để tổng hợp.

Hội nghị Tổng kết toàn quốc dự kiến tổ chức tại tỉnh Nam Định vào tháng 12/2019.



## **Cập nhật thương mại, chính sách ngành gạo Trung Quốc đến tháng 2/2019**

**Trợ cấp tiền mặt cho nông dân trồng lúa**

Tháng 12/2018, các tỉnh Hắc Long Giang, Liêu Ninh, Hồ Nam, Giang Tô, An Huy và Quảng Tây thông báo các khoản trợ cấp tiền mặt cho nông dân trồng lúa. Chính

quyền mỗi địa phương sẽ quản lý độc lập việc triển khai chính sách trợ cấp này, sử dụng nguồn ngân sách trung ương. Ví dụ, các khoản trợ cấp tiền mặt có thể thay đổi dựa trên quy mô sản xuất, các nguồn nước thủy lợi và loại giống.

**Hạn ngạch thuế nhập khẩu ngũ cốc năm 2019 không đổi**

Các chính sách hạn ngạch thuế (TRQ) năm 2019 đối với ngũ cốc của Trung Quốc					
Hàng hóa	Lượng TRQ (tấn)	Phân bổ cho doanh nghiệp tư nhân	Phân bổ cho doanh nghiệp nhà nước	Thuế trong hạn ngạch	Thuế ngoài hạn ngạch
Ngô	7.200.000	40%	60%	1%	65%
Lúa mì	9.636.000	10%	90%	1%	65%
Gạo hạt dài	2.660.000	50%	50%	1%	65%
Gạo hạt ngắn trung	2.660.000	50%	50%	1%	65%

**Danh sách các nước có nghị định thư được phép xuất khẩu ngũ cốc sang Trung Quốc**

Lúa mì	Australia, Canada, Pháp (ngoại trừ khu vực Rhone-Alps), Kazakhstan, Hungary, Anh, Mỹ, Serbia, Mông Cổ, Nga
Ngô	Thái Lan, Mỹ, Peru, Lào, Argentina, Nga, Ukraine, Bulgaria, Brazil, Campuchia, Nam Phi, Mexico, Hungary, Kazakhstan
Đại mạch	Australia, Canada, Đan Mạch, Pháp, Argentina, Mông Cổ, Ukraine, Phần Lan, Anh, Uruguay, Kazakhstan
Hạt kê	Mỹ, Australia và Myanmar
Thóc gạo	Nga
Gạo thành phẩm	Campuchia, Ấn Độ (cả Basmati và Non-Basmati), Nhật Bản, Lào, Myanmar, Pakistan, Thái Lan, Uruguay, Việt Nam, Đài Loan, Mỹ

*Nguồn: Tổng cục Hải quan Trung Quốc*

**Thương mại gạo Trung Quốc niên vụ 2018/2019**

Theo Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA), nhập khẩu gạo của Trung Quốc trong niên vụ 2018/2019 dự báo đạt 5 triệu tấn, tăng 500.000 tấn so với dự báo trước đó nhưng thấp hơn 500.000 tấn so với niên vụ 2017/2018 do giảm nhập khẩu gạo biên mậu và triển khai mạnh hơn các yêu cầu kiểm dịch và kiểm tra. Tháng 12/2018, nguồn cung gạo indica trung vụ bắt đầu xuất hiện trên thị trường nhưng giá gạo ổn định. Từ tháng 7/2018, nhập khẩu gạo từ các nước láng giềng Đông Nam Á của Trung Quốc giảm do giá gạo nội địa Trung Quốc giảm và các biện pháp triển khai kiểm dịch và kiểm tra gắt gao hơn, đặc biệt xét đến các tiêu chuẩn chất lượng và phân loại mới sửa đổi của Trung Quốc.

Ngày 14/12/2018, hai công ty Trung Quốc đã ký một Thư yêu cầu với

Myanmar Shan State (Northern) Rice và Paddy Development Public Co Ltd. để mua 15.000 tấn gạo. Mặc dù hợp đồng này là một hợp đồng thương mại, Cơ quan Xúc tiến Thương mại Myanmar đang tiếp tục đàm phán với chính phủ Trung Quốc để mở rộng khả năng tiếp cận thị trường.

Trung Quốc gần đây đã áp dụng các tiêu chuẩn nghiêm ngặt hơn đối với gạo Việt Nam, bao gồm trì hoãn tại các trạm kiểm dịch biên giới.

Tương tự, thương mại biên mậu giữa Myanmar – Trung Quốc chậm lại tới mức gần như tạm ngừng từ tháng 10/2018. Các nhà giao dịch gạo đã nỗ lực tìm cách tránh các mức thuế nhập khẩu gạo Myanmar ở mức cao tại thị trường Trung Quốc, mở rộng thương mại biên mậu, nhưng kết cục lại dẫn đến các chính sách thắt chặt quản lý biên mậu và cuối cùng là một lệnh cấm tạm thời.



## Nhu cầu hàng nông, lâm, thủy sản của Nga tăng trưởng liên tục giai đoạn 2016-2018

Trong những năm gần đây, do ảnh hưởng bởi yếu tố chính trị đã khiến Nga đã có nhiều thay đổi trong phát triển kinh tế, đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp. Hiện nông nghiệp Nga chiếm khoảng 3,7% GDP của đất nước, sử dụng 9,2% lực lượng lao động quốc gia và đóng góp khoảng 6% xuất khẩu. Mặc dù sản xuất nông nghiệp của Nga tăng khá mạnh trong thời gian qua, tuy nhiên do đặc thù sản xuất và địa hình nên Nga vẫn phải nhập khẩu lượng lớn các sản phẩm nông nghiệp để phục vụ nhu cầu trong nước, đặc biệt là các mặt hàng trái cây, rau củ.

Theo Cơ quan Thống kê Nhà nước Liên bang Nga (Rosstat), trong 3 năm trở lại đây, nhập khẩu nhóm hàng nông, lâm, thủy sản vào Nga tăng liên tục qua các năm, trong đó, năm 2016, nhập khẩu nhóm hàng này vào Nga đạt 12,9 tỷ USD, thì năm 2017 tăng lên 15,5 tỷ USD và đạt mức xấp xỉ 16,4 tỷ USD năm 2018.

Tính riêng trong năm 2018, trong nhóm hàng nông, lâm, thủy sản nhập khẩu vào Nga, mặt hàng trái cây và các loại hạt ăn được; vỏ trái cây hoặc dưa (HS 08) được nhập khẩu nhiều nhất, chiếm 31% tổng kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng nông, lâm, thủy sản, tiếp đến là sản phẩm gỗ (HS 94) chiếm 17,5%, rau ăn được và một số rễ và củ (HS 07) chiếm 11,2%, cá và động vật giáp xác, động vật thân mềm... (HS 03) chiếm 11%.

So với năm 2017, nhập khẩu hầu hết các mặt hàng thuộc nhóm nông, lâm, thủy sản vào Nga đều tăng trong năm 2018. Trong đó, nhập khẩu các mặt hàng trái cây và các loại hạt ăn được; vỏ trái cây hoặc dưa (HS 08) đạt xấp xỉ 6 triệu tấn, kim ngạch trên 5 tỷ USD, tăng 5,1% về lượng và tăng 8,3% về kim ngạch, đánh dấu mức tăng cao nhất kể từ giai đoạn 2014-2015 khi Nga đưa ra lệnh cấm vận nhập khẩu nhiều mặt hàng thực phẩm, nông sản từ Mỹ, châu Âu, Canada, Australia... Việt Nam là thị trường cung cấp hàng nông, lâm, thủy sản lớn thứ

8 vào Nga, với mặt hàng cung cấp chủ yếu là cà phê, chè và các loại gia vị (HS 09) chiếm tỷ trọng trên 19,07% tổng kim ngạch nhập khẩu mặt hàng này vào Nga năm 2018, tiếp đến là mặt hàng cá và động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật thủy sinh không xương sống khác (HS 03) chiếm từ 7,27%, và mặt hàng Quả và quả hạch ăn được, vỏ quả thuộc chi cam quýt hoặc các loại dưa (HS 08) chiếm tỷ trọng từ 5,76%; các mặt hàng khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ, trên dưới 2%.

Theo thống kê từ Rosstat, trong giai đoạn năm 2016-2018, nhập khẩu một số mặt hàng thuộc nhóm hàng nông, lâm, thủy sản từ Việt Nam vào Nga tăng rất mạnh, trong đó phải kể đến là mặt hàng cà phê, chè và các loại gia vị (HS 09) tăng từ 15,81% năm 2016 lên 19,07% năm 2018; mặt hàng quả và quả hạch ăn được; vỏ quả thuộc chi cam quýt hoặc các loại dưa (HS 08) tăng từ 2,21% năm 2016 lên 5,76% năm 2018; mặt hàng Chế phẩm từ rau, quả, quả hạch hoặc các sản phẩm khác của cây (HS 20) tăng từ 1,91% lên 2,39%; ngoài ra, một số mặt hàng khác cũng tăng thị phần tại Nga như sản phẩm gỗ; Gỗ và các mặt hàng bằng gỗ; than từ gỗ (HS 44); Rau và một số loại củ, thân củ, rễ ăn được (HS 07).



**Kim ngạch nhập khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản vào thị trường Nga năm 2016-2018**

Mặt hàng	Kim ngạch nhập khẩu (triệu USD)			Thị phần nhập khẩu nhóm nông, lâm, thủy sản (%)		
	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
<b>Tổng</b>	<b>12.937</b>	<b>15.506</b>	<b>16.395</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>	<b>100,0</b>
Quả và quả hạch ăn được; vỏ quả thuộc chi cam quýt hoặc các loại dưa (HS 08)	3.847	4.687	5.077	29,7	30,2	31,0
Sản phẩm gỗ (HS 94)	2.006	2.721	2.872	15,5	17,5	17,5
Rau và một số loại củ, thân củ, rễ ăn được (HS 07)	1.402	1.801	1.843	10,8	11,6	11,2
Cá và động vật giáp xác, thân mềm và động vật thủy sinh không xương sống khác (HS 03)	1.398	1.633	1.802	10,8	10,5	11,0
Chế phẩm từ rau, quả, quả hạch hoặc các sản phẩm khác của cây (HS 20)	1.076	1.184	1.286	8,3	7,6	7,8
Cà phê, chè và các loại gia vị (HS 09)	1.158	1.272	1.188	9,0	8,2	7,2
Gỗ và các mặt hàng bằng gỗ; than từ gỗ (HS 44)	607	663	707	4,7	4,3	4,3
Cây sống và các loại cây trồng khác; củ, rễ và các loại tương tự; cành hoa rời và các loại cành lá trang trí (HS 06)	578	569	599	4,5	3,7	3,7
Các chế phẩm từ thịt, cá hay động vật giáp xác, động vật thân mềm hoặc động vật thủy sinh không xương sống khác (HS 16)	377	484	569	2,9	3,1	3,5
Ngũ cốc (HS 10)	350	363	328	2,7	2,3	2,0
Sản phẩm của ngành công nghiệp xay xát; mạch nha; tinh bột; inulin; gluten lúa mì (HS 11)	136	129	123	1,1	0,8	0,8

Nguồn: Rosstat

**Một số mặt hàng nông, lâm, thủy sản Nga nhập khẩu từ Việt Nam giai đoạn năm 2016-2018 (ĐVT: nghìn USD)**

Mặt hàng	Nga nhập khẩu từ Việt Nam			Thị phần hàng hóa Việt Nam tại Nga (%)		
	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
Cà phê, chè và các loại gia vị (HS 09)	183.140	192.486	226.560	15,81	15,13	19,07
Cá và động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật thủy sinh không xương sống khác (HS 03)	89.158	101.093	86.401	7,70	7,95	7,27
Quả và quả hạch ăn được; vỏ quả thuộc chi Cam quýt hoặc các loại dưa (HS 08)	25.647	49.868	68.423	2,21	3,92	5,76

Mặt hàng	Nga nhập khẩu từ Việt Nam			Thị phần hàng hóa Việt Nam tại Nga (%)		
	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
Chế phẩm từ rau, quả, quả hạch hoặc các sản phẩm khác của cây (HS 20)	22.082	29.068	28.401	1,91	2,29	2,39
Sản phẩm gỗ (HS 94)	12.473	13.797	15.778	1,08	1,08	1,33
Ngũ cốc (HS 10)	9.575	9.766	4.874	0,83	0,77	0,41
Các chế phẩm từ thịt, cá hay động vật giáp xác, động vật thân mềm hoặc động vật thủy sinh không xương sống khác (HS 16)	4.390	2.226	4.042	0,38	0,18	0,34
Gỗ và các mặt hàng bằng gỗ; than từ gỗ (HS 44)	895	663	1.343	0,08	0,05	0,11
Rau và một số loại củ, thân củ, rễ ăn được (HS 07)	394	691	1.002	0,03	0,05	0,08
Sản phẩm của ngành công nghiệp xay xát; mạch nha; tinh bột; inulin; gluten lúa mì (HS 11)	167	254	145	0,01	0,02	0,01
Cây sống và các loại cây trồng khác; củ, rễ và các loại tương tự; cành hoa rời và các loại cành lá trang trí (HS 06)	153	38	17	0,01	0,00	0,00

*Nguồn: Rosstat*

Có thể thấy, trong 3 năm trở lại đây, trước việc cấm vận từ Mỹ và châu Âu, Nga đã đưa ra các chính sách “trả đũa” bằng cách cấm nhập khẩu nhiều mặt hàng từ hai thị trường trên. Để bù đắp sự thiếu hụt đối với hàng hóa từ Mỹ và châu Âu, quốc gia này chuyển hướng sang nhập khẩu ở các thị trường khác, trong đó có Việt Nam, điều này đã khiến tỷ trọng nhiều mặt hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam tại Nga tăng thị phần rất mạnh, cho thấy nhu cầu đối với hàng nông, lâm, thủy sản, đặc biệt là các mặt hàng cà phê, hạt tiêu, hàng rau quả tại Nga vẫn rất lớn. Trong đó, theo thống kê của Rosstat, trong nhóm hàng cà phê, chè và các loại gia vị (HS 09), Việt Nam đang là nhà cung cấp hàng đầu cho Nga đối với mặt hàng cà phê (HS 0901), hạt tiêu (HS 0904) đây là những mặt hàng thế mạnh của Việt Nam.

Hiệp định thương mại giữa Việt Nam và Liên minh Kinh tế Á – Âu (trong đó, Nga chiếm 90% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu) được ký kết vào ngày 5/10/2016 đã và đang tạo cơ hội cho hàng hóa Việt Nam nói chung, hàng nông, lâm, thủy sản của Việt Nam nói riêng có thể thâm nhập sâu rộng hơn vào thị trường Nga.

Hiệp định là khung khổ pháp lý quan trọng, tạo hành lang thông thoáng cho cho doanh nghiệp của hai nước thúc đẩy thương mại và đầu tư. Trong thời gian tới, Chính phủ hai nước cần phải nghiên cứu các biện pháp để giúp các doanh nghiệp có thể tận dụng ưu đãi về thuế, ký kết các hiệp định chuyên ngành để giúp giảm bớt các rào cản phi thuế quan về tiêu chuẩn kỹ thuật, kiểm dịch...

+ Theo FAO, giá thực phẩm thế giới có xu hướng tăng trong tháng 2/2019. Theo đó, chỉ số giá thực phẩm FAO (FFPI) đạt trung bình 167,5 điểm trong tháng 2/2019, tăng 2,7 điểm (1,7%) so với tháng 1/2019. Mặc dù đây là mức cao nhất kể từ tháng 8/2018, nhưng vẫn thấp hơn 4 điểm (2,3%) so với cùng kỳ năm 2018. Giá tất cả các mặt hàng đại diện trong FFPI tăng trong tháng 2, với mức tăng mạnh nhất ở nhóm các mặt hàng sữa. Trong khi đó, chỉ số giá ngũ cốc FAO đạt trung bình gần 169 điểm trong tháng 2/2019, tăng nhẹ so với tháng 1/2019 và cao hơn gần 8 điểm (4,7%) so với cùng kỳ năm 2018.

+ Từ đầu năm 2019, Philippin đã nới lỏng các hạn chế nhập khẩu gạo và chuyển sang nhập khẩu gạo không giới hạn, 166 công ty tham gia để mang lại hơn một triệu tấn theo chương trình vượt hạn ngạch, dựa trên danh sách cập nhật do Cơ quan Lương thực quốc gia công bố. Trong đó, gạo nhập khẩu vào Philippin sẽ có nguồn gốc chủ yếu từ Việt Nam, Thái Lan, Myanmar và Đài Loan. Tất cả gạo được nhập khẩu sẽ được đánh thuế với mức thuế 35% đối với các nước ASEAN và 50% đối với các nước ngoài ASEAN.

+ Theo Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA), việc mở cửa thị trường gạo tại Philippin có thể đẩy lượng gạo nhập khẩu của nước này trong năm nay lên mức cao kỷ lục 2,6 triệu tấn, khiến nước này trở thành nhà nhập khẩu gạo lớn thứ hai thế giới kể từ cuộc khủng hoảng giá gạo vào năm 2008.

+ Từ ngày 1 - 3/3/2019, tại Trung tâm huyện Nam Trà My, đã diễn ra Phiên chợ sâm Ngọc Linh lần thứ 18. Tham dự phiên chợ có 2 gian hàng giới thiệu cây sâm Ngọc Linh do 5 hộ trồng sâm tại 3 chốt có sản phẩm sâm củ của xã Trà Linh; hơn 20 gian hàng trưng bày, giới thiệu các sản phẩm trên lĩnh vực nông - lâm nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của tỉnh Quảng Nam như: Sâm Ngọc Linh, các loại cây dược liệu. Ngoài ra, tại phiên chợ này còn có 10 doanh nghiệp kinh doanh sản phẩm sâm Ngọc Linh, quế, dược liệu; 10 xã trên địa bàn huyện tham gia và một gian hàng trưng bày sản phẩm làm từ sâm Ngọc Linh, quế Trà My và cây dược liệu (trên 30 sản phẩm đã được đăng ký nhãn hiệu). Phiên chợ sâm lần này có doanh thu khoảng 2,6 tỷ đồng, trong đó riêng mặt hàng sâm củ Ngọc Linh bán được khoảng 27 kg với số tiền thu về gần 2,3 tỷ đồng.

+ Mỹ vừa quyết định chấm dứt áp dụng Hệ thống Ưu đãi Phổ cập (GSP) đối với Ấn Độ do nước này từ chối giảm giá chủ yếu cho các sản phẩm nông sản và sữa từ Mỹ thâm nhập vào thị trường Ấn Độ. Ấn Độ trước đó khẳng định rằng các sản phẩm sữa của Mỹ cần có một chứng nhận đảm bảo rằng nguồn gốc sản phẩm sữa không từ vật nuôi được cho ăn thức ăn có nguồn gốc động vật, do vấn đề tôn giáo tại nước này.

+ Bộ Công Thương đã gửi thông báo tới các đối tác ASEAN về việc tạm đình chỉ thực hiện Điều 20 tại Hiệp định ATIGA đến hết năm 2019 đối với mặt hàng đường. Đồng thời khẳng định, Việt Nam sẽ chính thức bãi bỏ hạn ngạch thuế quan nhập khẩu đường từ các nước ASEAN theo cam kết ATIGA kể từ ngày 1/1/2020.